

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hà Nội - Tháng 3 năm 2012

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055926 cấp ngày 05/04/1999, thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Năm 2009, Công ty đăng ký với UBCK về việc trở thành Công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 với số vốn điều lệ là 20.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), chia thành 2.0250.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó;

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI) (là đại diện phần vốn Nhà nước) nắm giữ 10.049.958 cổ phần, chiếm 51,85% vốn điều lệ của Công ty;

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 100.461 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ của Công ty.

Các Cổ đông khác nắm giữ 874.581 cổ phần, chiếm 43,19% vốn điều lệ công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư hạ tầng, xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất tấm lợp aimiăng xi măng;
- Xây dựng khác, san lấp mặt bằng, san nền;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và nhà ở;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác; Kinh doanh vật tư;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, công trục và kết cấu thép (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung;
- Kinh doanh nhà và kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và các khu công nghiệp;
- Kinh doanh khai thác cảng sông nội địa, dịch vụ logistic; Cho thuê kho bãi chứa hàng hóa và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sông và biển; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic : Sản xuất cửa nhựa, cửa sổ; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa nhôm, cửa chớp, cổng; Vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng:
 - ❖ Các hoạt động khác nhau có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình;
 - ❖ Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác;
 - ❖ Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như : làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được;
 - ❖ Lắp đặt gương kính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP VÀ VLXD ĐÔNG ANH

Tổ 8, thị trấn Đông Anh, Hà Nội

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thép; Bán buôn kim loại khác;
- Bán buôn kính xây dựng : Bán buôn kính phẳng dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào;
- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh : Bán lẻ kính phẳng dùng trong xây dựng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản./.

Các công ty Con

Tên	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn thực góp	Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ
- Công ty Cổ phần ĐTXL và XLXD Đông Anh 6	Thôn Đông Dương, xã Lập Thạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	51%	51%
- Công ty Cổ phần ĐTXL và XLXD Đoàn Hùng	Thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ	51%	51%
Công ty liên kết			
- Công ty Cổ phần ĐTXL và XLXD Đông Anh 8		45,58%	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất .

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng quản trị	Ông: Lê Đình Tư	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông: Ứng Tiến Đỗ	Ủy viên
	Ông: Vũ Hữu Tuynh	Ủy viên
	Bà: Trần Thị Minh Hương	Ủy viên
	Ông: Chu Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên
	Ông Phạm Bình Minh	Ủy viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông : Vũ Hữu Tuynh	Tổng Giám đốc
	Bà: Trần Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông: Chu Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thị Thu An	Kế toán trưởng
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng ban
	Ông Hoàng Ngọc Bội	Thành viên
	Bà Trịnh Thị Vy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA -IAFC.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

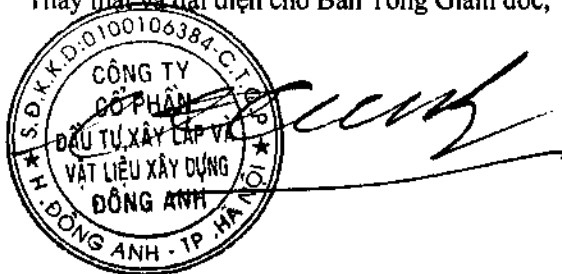
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Các cam kết khác; Ban Tổng Giám đốc cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty niêm yết theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hữu Tuynh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Số: 08/2012/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

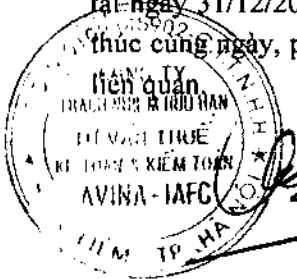
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 - Chính sách kế toán đối với các nợ phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi của Ban Giám đốc Công ty đã đề ra. Nếu thực hiện trích lập ở mức thận trọng hơn nữa theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính thì chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2011 cần trích lập thêm khoảng 1.525.496.337 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2011, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu công nợ đầy đủ.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0295/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA - IAFC

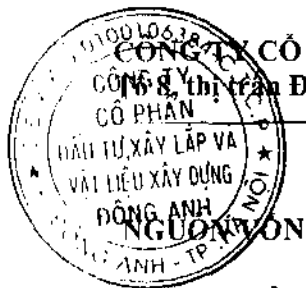
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Bùi Thị Tĩnh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1027/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.015.228.731	71.434.097.584
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	10.685.637.635	15.284.578.363
1. Tiền	111		7.685.637.635	15.284.578.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.838.476.380	22.552.827.498
1. Phải thu khách hàng	131		35.841.330.600	21.708.302.054
2. Trả trước cho người bán	132		1.820.989.553	1.354.815.422
4. Các khoản phải thu khác	135	4	14.090.322.997	130.655.827
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(914.166.770)	(640.945.805)
III- Hàng tồn kho	140	5	34.976.325.341	28.861.749.678
1. Hàng tồn kho	141		34.976.325.341	28.861.749.678
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.514.789.375	4.734.942.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.502.870.680	3.089.191.419
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	812.779.584
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154	6	-	3.718.100
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.011.918.695	829.252.942
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.669.579.314	66.544.947.558
I- Tài sản cố định	220		64.926.079.314	61.504.947.558
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	48.982.492.069	45.133.615.436
- Nguyên giá	222		97.175.113.483	84.914.027.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.192.621.414)	(39.780.411.879)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	8.839.038.300	9.212.804.700
- Nguyên giá	228		9.761.360.700	9.761.360.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(922.322.400)	(548.556.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	7.104.548.945	7.158.527.422
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	5.743.500.000	5.040.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.743.500.000	5.040.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172.684.808.045	137.979.045.142



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		126.787.151.874	98.509.272.960
I- Nợ ngắn hạn	310		124.736.947.127	96.784.856.286
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	51.829.125.445	50.178.389.554
2. Phải trả người bán	312		34.951.757.500	24.516.029.281
3. Người mua trả tiền trước	313		15.632.347.356	1.042.508.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.552.735.840	3.667.187.116
5. Phải trả người lao động	315		6.587.676.196	4.763.139.563
6. Chi phí phải trả	316	13	103.558.064	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	9.073.343.218	9.730.450.944
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.006.403.508	2.887.151.000
II- Nợ dài hạn	330		2.050.204.747	1.724.416.674
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.050.204.747	1.724.416.674
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.897.656.171	39.469.772.182
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	37.165.569.459	31.907.480.832
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.250.000.000	20.250.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		301.040.202	9.700
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.238.610.858	8.904.624.202
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.375.918.399	2.752.846.930
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.732.086.712	7.562.291.350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		172.684.808.045	137.979.045.142

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		197.843.800	197.843.800



Vũ Hữu Tuyền

Tổng Giám đốc

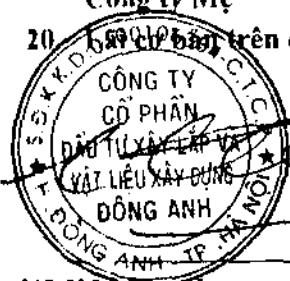
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Hoàng Thị Thu An

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	523.523.085.487	337.060.299.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	523.523.085.487	337.060.299.223
4. Giá vốn hàng bán	11	18	465.122.971.829	297.792.687.483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.400.113.658	39.267.611.740
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	524.822.118	443.977.722
7. Chi phí tài chính	22	20	8.684.710.866	5.744.390.299
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.684.710.866	5.744.390.299
8. Chi phí bán hàng	24		8.366.081.469	4.109.432.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.953.969.744	18.635.415.556
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.920.173.697	11.222.350.907
11. Thu nhập khác	31		956.793.650	1.110.777.725
12. Chi phí khác	32		449.205	184.767.799
13. Lợi nhuận khác	40		956.344.445	926.009.926
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.876.518.142	12.148.360.833
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	3.522.694.344	2.516.960.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.353.823.798	9.631.399.996
18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	70		2.393.235.253	1.621.792.801
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	80		10.960.588.545	8.009.607.195
20. Lợi nhuận trên cổ phiếu	22		5.413	3.955



Võ Hữu Tuyền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Hoàng Thị Thu An

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	490.723.430.788	324.684.448.033
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(405.380.806.517)	(272.098.888.567)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(49.889.396.069)	(37.905.890.842)
4. Tiền chi trả lãi vay	05	(8.581.152.802)	(6.265.524.157)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.356.358.430)	(2.262.010.100)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.315.125.968	3.566.188.003
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.315.129.938)	(7.939.496.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.515.713.000	1.778.825.893
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.626.772.500)	(16.142.038.898)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	299.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.009.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.600.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(703.500.000)	(2.100.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.318.002.881	419.644.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.421.269.619)	(17.523.076.328)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	141.860.058.616	109.297.458.122
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(140.209.322.725)	(86.591.688.994)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.344.120.000)	(2.744.635.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.693.384.109)	19.961.134.128
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.598.940.728)	4.216.883.693
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.284.578.363	11.067.694.670
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.685.637.635	15.284.578.363



Vũ Hữu Tuynh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Hoàng Thị Thu An

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055926 cấp ngày 05/04/1999, thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Năm 2009, Công ty đăng ký với UBCK về việc trở thành Công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 với số vốn điều lệ là 20.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), chia thành 2.0250.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó;

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI) (là đại diện phần vốn Nhà nước) nắm giữ 10.049.958 cổ phần, chiếm 51,85% vốn điều lệ của Công ty;

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 100.461 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ của Công ty.

Các Cổ đông khác nắm giữ 874.581 cổ phần, chiếm 43,19% vốn điều lệ công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư hạ tầng, xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất tấm lợp aimiăng xi măng;
- Xây dựng khác, san lấp mặt bằng, san nền;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và nhà ở;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác; Kinh doanh vật tư;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung;
- Kinh doanh nhà và kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và các khu công nghiệp;
- Kinh doanh khai thác cảng sông nội địa, dịch vụ logistic; Cho thuê kho bãi chứa hàng hóa và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sông và biển; Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic : Sản xuất cửa nhựa, cửa sổ; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa nhôm, cửa chớp, cổng; Vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng:
 - ❖ Các hoạt động khác nhau có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình;
 - ❖ Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại trang tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác;
 - ❖ Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như : làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được;
 - ❖ Lắp đặt gương kính;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thép; Bán buôn kim loại khác;

- Bán buôn kính xây dựng : Bán buôn kính phẳng dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào;
- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh : Bán lẻ kính phẳng dùng trong xây dựng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh.

Kinh doanh bất động sản./.

Các công ty Con

Tên	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn thực góp	Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ
- Công ty Cổ phần ĐTXL và XLXD Đông Anh 6	Thôn Đông Dương, xã Lập Thạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	51%	51%
- Công ty Cổ phần ĐTXL và XLXD Đoàn Hùng	Thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ	51%	51%
Công ty liên kết			
- Công ty Cổ phần ĐTXL và XLXD Đông Anh 8		45,58%	

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty Mẹ và Công ty Con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chính sách kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn của Công ty đang áp dụng như sau:

- Đối với các khách hàng quá hạn thanh toán dưới một năm nhưng vẫn đang giao dịch thì không trích lập dự phòng;
- Đối với các khách hàng quá hạn thanh toán trên một năm, mức trích lập 30% giá trị khoản nợ.

Đơn vị đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thấp hơn mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Do một số khách hàng đang tiến hành thanh toán và có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới nên Ban Tổng Giám đốc cho rằng số đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn là phù hợp. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc đã đề ra kế hoạch xử lý nợ khó đòi trong năm và các biện pháp để đôn đốc thu hồi công nợ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 42
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng san lấp đất tại Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6, nguyên giá là: 8.890.639.000 đồng được khấu hao trong vòng 25 năm. Giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đoàn Hùng, nguyên giá: 870.721.700 đồng, khấu hao trong vòng 48 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo sau:

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, có biên bản nghiệm thu, bảng thanh toán khối lượng được chủ đầu tư xác nhận, bảng tổng hợp kinh phí hoàn thành, phiếu giá thanh toán (nếu có) và bản thanh lý hợp đồng mà không phụ thuộc vào thu tiền.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

3. Tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	4.752.672.769	15.284.578.363
Tiền gửi ngân hàng	2.932.964.866	-
Các khoản trong đương tiền	3.000.000.000	-
Cộng	10.685.637.635	15.284.578.363

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	14.090.322.997	130.655.827
<i>Phải thu Công ty Liên kết và Tổng Công ty</i>	<i>14.000.000.000</i>	
Phải thu khác	90.322.997	130.655.827
Cộng	14.090.322.997	130.655.827

5. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.954.242.734	26.538.446.204
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.131.070.277	20.171.100
Thành phẩm	10.891.012.330	2.303.132.374
Cộng giá gốc hàng tồn kho	34.976.325.341	28.861.749.678
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	34.976.325.341	28.861.749.678

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản khác phải thu Nhà nước		3.718.100
Cộng	-	3.718.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

MẪU B 09 a -DN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ Khác □	Cộng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2011	17.186.536.523	53.728.754.547	13.394.152.635	409.902.340	194.681.270	84.914.027.315
Tăng trong năm	2.311.585.938	7.176.997.415	1.751.604.424	128.099.091	892.799.300	12.261.086.168
Mua trong năm	-	7.176.997.415	1.751.604.424	128.099.091	-	9.056.700.930
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.311.585.938	-	-	-	892.799.300	3.204.385.238
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	19.498.122.461	60.905.751.962	15.145.757.059	538.001.431	1.087.480.570	97.175.113.483
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2011	7.193.796.437	26.911.883.353	5.264.213.285	320.965.778	89.553.026	39.780.411.879
Tăng trong năm	1.502.469.426	5.041.767.396	1.705.941.851	72.750.932	89.279.930	8.412.209.535
Khấu hao trong năm	1.502.469.426	5.041.767.396	1.705.941.851	72.750.932	89.279.930	8.412.209.535
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	8.696.265.863	31.953.650.749	6.970.155.136	393.716.710	178.832.956	48.192.621.414
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	9.992.740.086	26.816.871.194	8.129.939.350	88.936.562	105.128.244	45.133.615.436
Tại 31/12/2011	10.801.856.598	28.952.101.213	8.175.601.923	144.284.721	908.647.614	48.982.492.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09 a -DNHN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2011	9.761.360.700	9.761.360.700
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	9.761.360.700	9.761.360.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2011	548.556.000	548.556.000
Tăng trong năm	373.766.400	373.766.400
Khấu hao trong năm	373.766.400	373.766.400
Số dư tại 31/12/2011	922.322.400	922.322.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2011	9.212.804.700	9.212.804.700
Tại 31/12/2011	8.839.038.300	8.839.038.300

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang các công trình, hạng mục;	7.104.548.945	7.158.527.422
Chi phí đền bù, Hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp	5.029.072.475	5.592.346.305
CP Xây tường rào, san lấp khu đất	1.810.364.739	
CP thăm tra, thăm định hồ sơ	245.272.727	
Khác	19.839.004	1.566.181.117
Cộng	7.104.548.945	7.158.527.422

10. Các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2011		
	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty CP Đầu tư và VLXD Đông Anh	45,58%	574.350	5.743.500.000
8			
Tổng		1.171.050	11.710.500.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP VÀ VLXD ĐÔNG ANH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Số 08, thị trấn Đông Anh, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 a -DNHN

Thiết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Hà Nội (*)	39.415.525.445	45.078.389.554
Vay Cá nhân (**)	12.413.600.000	
Cộng	51.829.125.445	50.178.389.554

(*) Số dư tại ngày 31/12/2011 là các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn, hạn mức số 11.153707.02.02 ngày 27/10/2011 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Hà Nội. Hạn mức tín dụng của hợp đồng tín dụng ngắn hạn là 60 tỷ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng 28.355m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA495611 do sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 20/09/2010 và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 11.153.707.01.11 ngày 23/06/2011 được định giá là 3.514.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty còn thế chấp bằng toàn bộ máy móc dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải. Tổng giá trị thế chấp của Công ty là 35.528.000.000 đồng.

(**) Vay các cá nhân tại Công ty Cổ phần ĐTXL và VLXD Đông Anh 6 và Công ty Cổ phần ĐTXL và VLXD Đoàn Hùng mục đích để bổ sung vốn lưu động. Thời gian vay từ 6-12 tháng, lãi suất vay được tính theo lãi suất của Ngân hàng NN và PTNN Lương Sơn và Ngân hàng NN và PTNN Đoàn Hùng tại thời điểm chi trả lãi.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.139.098.142	2.177.958.826
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.405.234.851	1.489.228.290
Thuế thu nhập cá nhân	8.402.847	-
Cộng	2.552.735.840	3.667.187.116

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải trả khác		
Chi phí lãi vay phải trả	103.558.064	
Cộng	103.558.064	-

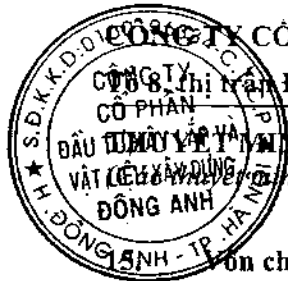
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 a -DNHN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	314.314.656	265.112.485
Bảo hiểm xã hội	13.343.014	7.087.296
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.745.685.548	9.458.251.163
<i>Phải trả tiền cổ tức</i>	<i>5.043.959.000</i>	<i>4.260.779.000</i>
<i>Phải trả phần góp vốn vượt</i>	<i>2.630.476.982</i>	<i>4.987.670.000</i>
<i>Khác</i>	<i>1.071.249.566</i>	<i>209.802.163</i>
Cộng	9.073.343.218	9.730.450.944



Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2010	20.250.000.000	9.700	6.340.820.912	2.346.659.394	472.061.127	29.409.551.133
Tăng trong năm	-	-	2.602.053.290	406.187.536	8.009.607.195	11.017.848.021
Tăng vốn năm trước			2.444.699.580	406.187.536		2.850.887.116
Lãi năm trước					8.009.607.195	8.009.607.195
Tăng khác			157.353.710			157.353.710
Giảm nguồn vốn	-	-	38.250.000	-	8.481.668.322	8.519.918.322
Giảm vốn năm trước					8.481.668.322	8.481.668.322
Giảm khác			38.250.000			38.250.000
Số dư tại 31/12/2010	20.250.000.000	9.700	8.904.624.202	2.752.846.930	-	31.907.480.832
Số dư tại 01/01/2011	20.250.000.000	9.700	8.904.624.202	2.752.846.930	-	31.907.480.832
Tăng trong năm	-	301.030.502	4.333.986.656	623.071.469	12.525.268.545	17.783.357.173
Tăng vốn năm nay		301.030.502	4.206.318.686	623.071.469		5.130.420.657
Lãi năm nay					10.960.588.545	10.960.588.545
Tăng khác			127.667.970		1.564.680.000	1.692.347.970
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.525.268.545	12.525.268.545
Giảm vốn năm nay					12.525.268.545	12.525.268.545
Số dư tại 31/12/2011	20.250.000.000	301.040.202	13.238.610.858	3.375.918.399	-	37.165.569.459



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 a -DN

Các thông tin chi tiết dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	10.499.580.000	10.499.580.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.750.420.000	9.750.420.000
Cộng	20.250.000.000	20.250.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.250.000.000	20.250.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	20.250.000.000	20.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.481.668.322	12.427.585.474

d. Cổ phiếu

	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.025.000	2.025.000
Cổ phiếu phổ thông	2.025.000	2.025.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	13.238.610.858	8.904.624.202
Quỹ dự phòng tài chính	3.375.918.399	2.752.846.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 a -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	523.523.085.487	337.060.299.223
Cộng	<u>523.523.085.487</u>	<u>337.060.299.223</u>

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	523.523.085.487	337.060.299.223
Cộng	<u>523.523.085.487</u>	<u>337.060.299.223</u>

18. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng đã bán	465.122.971.829	297.792.687.483
Cộng	<u>465.122.971.829</u>	<u>297.792.687.483</u>

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	235.246.322	284.488.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	289.575.796	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	159.489.667
Cộng	<u>524.822.118</u>	<u>443.977.722</u>

20. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	8.684.710.866	5.744.390.299
Cộng	<u>8.684.710.866</u>	<u>5.744.390.299</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 a -DN

Minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.522.694.344	2.516.960.837
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	3.522.694.344	2.516.960.837

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	10.960.588.545	8.009.607.195
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.960.588.545	8.009.607.195
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.025.000	2.025.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.413	3.955

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	401.518.996.172	238.094.205.155
Chi phí nhân công	59.324.334.771	38.131.712.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.978.745.252	6.636.037.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.243.578.362	8.163.294.576
Chi phí khác bằng tiền	13.410.500.535	10.300.261.425
Cộng	495.476.155.092	301.325.511.191

24. Những thông tin khác.

24.1 Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Doanh thu với các Bên liên quan

Đối tượng	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia		
- CN Công ty CPĐT & XD số 18 Phủ Lãi		159.489.667
- Cty LD SX VL XD Hà nam	289.575.796	
Cộng	289.575.796	159.489.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 a -DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Số dư với các Bên liên quan

Đối tượng	31/12/2011	01/01/2011
Phải thu Khách hàng		
- Công ty Lắp máy điện nước -LICOGI	42.858.062	42.858.062
- Công ty XD CTN&HTKT-LICOGI	61.516.000	61.516.000
- Công ty LD SX VLXD Hà Nam		25.424.204
- Công ty SX VLXD Quảng Ngãi	153.228.043	153.228.043
- Công ty CP Đầu tư và VLXD Đông Anh 8	(1.920.000.000)	
Các khoản phải thu khác		
- Công ty CP Đầu tư và VLXD Đông Anh 8	11.000.000.000	32.640.000
- TCT Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - LICOGI	3.000.000.000	

24.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.



Vũ Hữu Tuynh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Hoàng Thị Thu An

Kế toán trưởng